TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/DS-ST
Ngày 28-6-2023
"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tèo.

2. Ông Nguyễn Hồng Phúc.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Đình Quế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà:*** Ông Ngô Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1953. Địa chỉ: Ô, khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T là anh Mai Thế T1, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ô, khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1956. Có mặt.

- Anh Nguyễn Cà N1, sinh năm 1983. Có mặt.

- Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1990. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Cà N1 và chị Nguyễn Thị Ngọc H là ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1956. Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 20/10/2022).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Hồ Thị N2 gồm:

- Bà Trương Thị C, sinh năm 1927. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Bé T2, sinh năm 1980. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Bé T3, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

- Chị Nguyễn Thị Bé N3, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Địa chỉ: 4, Hồ N, Phường A, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị C, chị Nguyễn Thị Bé T2, Nguyễn Thị Bé T3, Nguyễn Thị Bé N3 là ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1956. Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh (theo các văn bản ủy quyền ngày 17/10/2022 và ngày 20/10/2022)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/5/2022 và các biên bản lấy lời khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án đại diện cho nguyên đơn là anh Mai Thế T1 ***trình bày:***

Do có quen biết nên bà T có tham gia góp hụi do bà Nguyễn Thị N4 (tên gọi khác L, là vợ của ông Nguyễn Văn N) làm chủ hụi như sau:

Dây hụi 1: Hụi 5.000.000 đồng mở ngày 30/01/2021 âm lịch (nhằm ngày 12/3/2021 dương lịch), kết thúc ngày 30/7/2022 âm lịch (nhằm ngày 26/8/2022 dương lịch); mỗi tháng mở 01 lần, hụi gồm 19 phần, bà T tham gia 01 phần đã góp được 05 lần với số tiền 16.800.000 đồng thì bà N4 ngưng do dịch bệnh Covid–19.

Dây hụi 2: Hụi 5.000.000 đồng mở ngày 30/01/2021 âm lịch (nhằm ngày 12/3/2021 dương lịch), kết thúc ngày 30/7/2022 âm lịch (nhằm ngày 26/8/2022 dương lịch); mỗi tháng khui 01 lần, hụi gồm 19 phần, bà T tham gia 02 phần, đã góp được 05 lần với số tiền 16.900.000 đồng/phần x 02 phần = 33.800.000 đồng, thì bà N4 ngưng hụi do dịch bệnh Covid-19.

Dây hụi 3: Hụi 5.000.000 đồng mở ngày 30/01/2021 âm lịch (nhằm ngày 12/3/2021 dương lịch), kết thúc ngày 30/7/2022 âm lịch (nhằm ngày 26/8/2022 dương lịch); mỗi tháng khui 01 lần, hụi gồm 19 phần, bà T tham gia 01 phần, đã góp được 05 lần với số tiền 16.850.000 đồng, thì bà N4 ngưng do dịch bệnh Covid-19. Tổng cộng 04 dây hụi sống bà T đã góp được 67.450.000 đồng.

Đến khoảng tháng 9/2021 bà N4 chết thì bà T có đưa các sổ hụi do bà T tham gia với bà N4 cho bà Đ để nhờ bà Đ gặp gia đình ông N tính toán lại số tiền hụi sống mà bà T đã góp. Sau đó bà Đ có đưa cho bà giấy tính tiền nợ hụi do con dâu của ông N và bà N4 là chị H viết, bà cũng thống nhất về số tiền 67.450.000 đồng. Sau khi lập giấy chốt tiền hụi thì anh Nuôi và chị H có trả tiền cho bà T được 05 lần là 11.000.000 đồng, còn nợ lại 56.450.000 đồng đến nay không trả.

Mặc dù, bà T tham gia góp hụi trực tiếp với bà N4, không trực tiếp tham gia góp hụi với ông N, anh Nuôi và chị H. Nhưng ông N là chồng của bà N4, còn anh Nuôi và chị H là người trực tiếp quản lý toàn bộ sổ sách hụi sau khi bà N4 chết và vẫn tiếp tục gom tiền hụi đối với những người đã lĩnh hụi nhưng không trả cho bà T. Do đó, bà T yêu cầu ông N, anh Nuôi và chị H phải liên đới trả cho bà T số tiền hụi còn nợ 56.450.000 đồng, bà T không yêu cầu tính tiền lãi.

Theo đơn khởi kiện bà T yêu cầu những người thừa kế quyền của bà N4 phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản do bà N4 chết để lại nhưng tại phiên toà bà T rút yêu cầu này. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông** Nguyễn Văn N **trình bày:

Tôi là chồng của bà Hồ Thị N2, tôi và bà N2 có tất cả 04 con gồm: Nguyễn Cà N1, Nguyễn Thị Bé T2, Nguyễn Thị Bé N3, Nguyễn Thị Bé T4. Ngoài ra không còn con nuôi, con riêng nào khác. Cha bà N2 đã chết trước bà N2, còn mẹ ruột bà N2 là cụ Trương Thị C, sinh năm 1930, còn sống nhưng đã quá già yếu.

Việc bà N2 tổ chức cho nhiều người tham gia góp hụi do bà N2 làm chủ hụi thì ông có biết, nhưng việc ai tham gia và tham gia như thế nào thì ông hoàn toàn không biết. Tuy nhiên, sau khi bà N2 bị bệnh và đột ngột chết ngày 24/9/2021 thì có nhiều người đến nhà vợ chồng ông nói rằng bà N2 làm chủ hụi của nhiều dây hụi và họ có tham gia, nay bà N2 chết rồi thì gia đình ông phải có nghĩa vụ trả thay. Ông nói để gia đình sắp xếp đám tang bà N2 xong rồi tính, bởi vì việc bà N2 mở hụi và sổ sách theo dõi ông không nắm. Sau đó, ông có nhờ con ruột là anh Nguyễn

Cà N1 và vợ anh Nuôi là chị Nguyễn Thị Ngọc H tìm sổ hụi và sổ theo dõi việc góp hụi của bà N2 để tính toán tiền hụi sống, hụi chết của hụi viên để đi gom hụi viên đã lĩnh hụi về trả lại cho hụi viên chưa lĩnh hụi. Qua sổ hụi và sổ theo dõi góp hụi thì có một số người biết, một số người thì không biết (vì sổ hụi bà N2 chỉ ghi tên), những hụi viên mà chúng tôi biết họ có tham gia và đã lĩnh hụi thì chúng tôi đề nghị cho cấn trừ hụi đã lĩnh sang hụi chưa lĩnh (có nghĩa người nợ tiền hụi chết sẽ có trách nhiệm đóng số tiền hụi chết cho những người hụi sống) nhưng có người đồng ý có người không ý nên khởi kiện đến Tòa án.

Đối với hụi bà T đã tham gia thì anh Nuôi và chị H có gặp trực tiếp bà Đ hay bà T để tính số tiền hụi sống (hụi bà T đã góp nhưng chưa lĩnh) thì ông không biết nhưng hai bên thống nhất bà T sẽ nhận lại số tiền hụi đã góp khi gia đình ông đi thu hụi của hụi viên đã lĩnh để trả lại cho bà T. Sau đó, gia đình ông có nhận được tiền hụi của một số hụi viên tham gia nhưng đã hốt khi bà N2 còn sống trả nên gia đình ông trả cho được 11.000.000 đồng, còn nợ lại 56.450.000 đồng đến nay chưa trả vì hụi viên đã lĩnh không tiếp tục góp. Bà T khởi kiện yêu cầu trả số tiền 56.450.000 đồng thì ông chấp nhận một mình trả, ngoài ra không yêu cầu ai khác cùng có nghĩa vụ liên đới trả 56.450.000 đồng cho bà T.

Đối với các hụi viên đã lĩnh mà ông biết nhưng không đóng lại thì ông đã làm đơn khởi kiện tại Tòa án, kết quả giải quyết buộc họ phải có nghĩa vụ trả cho ông khoảng 1.200.000.000 đồng và đang được thi hành án. Đối với hụi viên đã khởi kiện ông và đã được cơ quan thi hành án thi hành thì ông đã nộp hơn 97.000.000 đồng để thi hành án. Ngoài ra ông không còn trình bày gì khác.

Bị đơn - anh Nguyễn Cà N1 trình bày:

Anh là con ruột của ông N và bà N2, còn chị H là vợ của anh. Việc mẹ anh là bà N2 mở hụi bao nhiêu dây và bao nhiêu người tham gia thì anh Nuôi không biết vì anh và chị H có nhà ở riêng với cha mẹ anh hơn 15 năm. Tuy nhiên, trong quá trình làm chủ hụi thì mẹ anh có nhờ vợ chồng anh đi nhận tiền hụi do hụi viên góp vài lần, sau khi nhận xong vợ chồng anh đều đưa tiền lại cho mẹ anh.

Đến ngày 24/9/2021, mẹ anh đột ngột qua đời thì có nhiều người đến nhà thông báo có tham gia góp hụi với mẹ anh nhưng chưa lĩnh hụi thì gia đình anh có nói lo tang lễ mẹ anh xong sẽ tính. Sau đó, bà Đ có đưa các sổ hụi mà bà Đ, bà T đã tham gia và yêu cầu vợ anh là chị H tính, sau khi tính tất cả các dây hụi bà T tham

gia thì thống nhất bà T đã góp được 67.450.000 đồng đồng, ngoài ra không còn nợ khoản tiền nào khác. Việc tính toán tiền hụi của bà T thì chị H có viết lên 01 tờ giấy giao cho bà Đ. Sau đó, ông N có nhờ vợ chồng anh đi thu tiền một số hụi viên đã lĩnh và có khi họ tự mang tiền đến nhà trả thì gia đình có chia ra trả cho mỗi người một ít, trong đó có đưa tiền cho bà Đ 05 lần là 11.000.000 đồng nhờ bà Đ trả cho bà T, khấu trừ nên còn lại 56.450.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó hụi viên đã lĩnh không góp tiếp nên ông N không trả do đó bà T khởi kiện.

Việc chị H viết giấy tính tiền hụi là để thống nhất số tiền hụi bà T đã góp cho bà N2 chứ không phải viết giấy nhận nợ hay có nghĩa vụ trả thay cho bà N2 và hơn nữa vợ chồng anh không có trực tiếp tham gia góp hụi gì với bà T. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền góp hụi sau khi khấu trừ là 56.450.000 đồng thì anh không chấp nhận.

Bị đơn - chị Nguyễn Thị Ngọc H **trình bày:**

Chị là con dâu của ông N và bà N2. Việc bà N2 tham gia làm chủ hụi, mở bao nhiêu dây hụi và những ai tham gia thì chị hoàn toàn không biết. Tuy nhiên, khi bà N2 còn sống có nhờ vợ chồng chị đi nhận tiền hụi của một vài người tham gia nên có biết họ. Đến năm 2021, khi bà N2 chết thì có nhiều người cho rằng có tham gia góp hụi với bà N2 nên đến nhà chồng chị trình bày, gia đình chồng có nói lo tang lễ xong sẽ tính. Sau đó, bà Đ có đưa các sổ hụi mà bà Đ, bà T tham gia và yêu cầu vợ anh là chị tính, sau khi tính tất cả các dây hụi bà T tham gia thì thống nhất bà T đã góp được 67.450.000 đồng, ngoài ra không còn nợ khoản tiền nào khác. Việc tính toán hụi của bà T thì chị có viết lên 01 tờ giấy giao cho bà Đào g. Sau đó, thì gia đình có thu tiền được một vài người và cũng có một vài người tự nguyện đến trả góp nhưng không phải nằm chung dây hụi của bà T nhưng gia đình chồng có chia ra trả cho mỗi người một ít, trong đó có đưa cho bà Đ tổng cộng 11.000.000 đồng để trả cho bà T. Tuy nhiên, sau đó hụi viên đã lĩnh không trả tiếp nên gia đình chồng không có tiền trả tiếp do đó bà T khởi kiện.

Việc chị viết giấy tính tiền hụi là để thống nhất số tiền hụi bà T đã góp cho bà N2 chứ không phải chị viết giấy nhận nợ hay có nghĩa vụ trả thay cho bà N2 và hơn nữa vợ chồng chị không có trực tiếp tham gia góp hụi gì với bà T, cũng không thừa hưởng tài sản gì do bà N2 chết để lại. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị

có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền góp hụi sau khi khấu trừ là 56.450.000 đồng thì chị không chấp nhận.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị Nguyễn Thị Bé T3**,** Nguyễn Thị Bé T2**, chị** Nguyễn Thị Bé N3**, cụ** Trương Thị C **là ông** Nguyễn Văn N **trình bày:**

Việc bà N2 làm chủ hụi thì chị T3, chị T2, chị N3 và mẹ của bà N2 là cụ C không biết, không tham gia nên bà T không yêu cầu họ trả nợ là đúng, không có ý kiến gì.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo qui định pháp luật. Tuy nhiên, vụ án có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo qui định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng việc vi phạm này không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án. Đối với nguyên đơn; bị đơn; người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Hồ Thị N2 vắng mặt nhưng có người đại diện, do đó đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định. Đối với việc vi phạm về thời hạn giải quyết vụ án, Viện kiểm sát đã tập hợp ban hành kiến nghị.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 275, 471, 468, 615 của Bộ luật Dân sự; Điều 25, 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Luật Người cao tuổi.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Văn N. Buộc ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 56.450.000 đồng, ghi nhận bà Nguyễn Thị T không yêu cầu tính lãi.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu anh Nguyễn Cà N1, chị Nguyễn Thị Ngọc H có nghĩa vụ liên đới với ông Nguyễn Văn N trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 56.450.000 đồng.

- Đình chỉ đối với yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại của bà Nguyễn Thị T.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N là người cao tuổi nên không phải chịu án phí theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà T khởi kiện về hợp đồng góp hụi và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại. Do bị đơn và người kế thừa nghĩa vụ tố tụng của người chết có địa chỉ tại huyện B nên Toà án nhân dân huyện Bến Cầu thụ lý, giải quyết là đúng theo qui định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của bà T về việc trả số tiền hụi còn nợ 56.450.000 đồng thì thấy rằng:

- Mặc dù ông N không thừa nhận có tham gia góp hụi với bà Nguyễn Thị T nhưng thừa nhận bà T có tham gia góp hụi do vợ ông là bà Hồ Thị N2 làm chủ hụi và khi bà Hồ Thị N2 chết thì vợ chồng anh Nguyễn Cà N1, chị Nguyễn Thị Ngọc H là con ruột và con dâu ông N có thống nhất số tiền góp hụi sống bà T đã góp cho bà N2 là 67.450.000 đồng. Sau đó đã trả cho bà T nhiều lần tổng cộng 11.000.000 đồng, còn nợ lại 56.450.000 đồng như bà T trình bày, ông N chấp nhận một mình ông N có nghĩa trả nợ. Lời thừa nhận của ông N là tình tiết không phải chứng minh theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét yêu cầu của bà T về việc yêu cầu anh Nuôi, chị H có nghĩa vụ liên đới cùng ông N trả 56.450.000 đồng: Bà T thừa nhận khi tham gia góp hụi thì bà T tham gia trực tiếp với bà N2 và do bà N2 làm chủ hụi, sau khi bà N2 chết thì chị H là con dâu bà N2 có viết giấy thống nhất số tiền hụi sống bà T đã góp cho bà N2 là 67.450.000 đồng. Anh Nuôi và chị H thừa nhận chữ viết trong giấy tính tiền hụi do bà T cung cấp là chữ viết của chị H, nhưng chỉ thừa nhận tính cho bà T biết số tiền bà T đã góp chứ không phải viết giấy nhận nợ trả thay, vì từ trước đến nay vợ chồng anh Nuôi, chị H không có tham gia góp hụi với bà T. Xét thấy, tại văn bản do bà T cung cấp không thể hiện việc anh Nuôi, chị H cam kết trả nợ và trong quá trình giải quyết bà T cũng không cung cấp chứng cứ để chứng minh số tiền 56.450.000 đồng là nợ chung của ông N, anh Nuôi và chị H. Do đó, bà T yêu cầu anh Nuôi, chị H có nghĩa vụ liên đới cùng với ông N trả số tiền hụi 56.450.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận theo qui định tại Điều 275 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Tại phiên toà, bà T rút yêu cầu về người thừa kế thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết yêu cầu này của bà T.

Từ những căn cứ nêu trên, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T. Buộc ông N có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 56.450.000 đồng, ghi nhận bà T không yêu cầu tính lãi.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14; Luật Người cao tuổi: Bà T và ông N là người cao tuổi nên không phải chịu án phí theo qui định pháp luật. Anh Nuôi, chị H, chị T3, chị T2, chị N3, cụ C không phải chịu án phí.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà: Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 275, 471, 468, 615 của Bộ luật Dân sự; Điều 25, 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Luật Người cao tuổi:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Buộc ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 56.450.000 (năm mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng, ghi nhận bà Nguyễn Thị T không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong nghĩa vụ trả đủ số tiền như đã nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án, theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu anh Nguyễn Cà N1 và chị Nguyễn Thị Ngọc H có nghĩa vụ liên đới cùng ông Nguyễn

Văn N trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 56.450.000 (năm mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại. Người khởi kiện được quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N là người cao tuổi nên không phải chịu án phí theo qui định pháp luật. Anh Nguyễn Cà N1, chị Nguyễn Thị Ngọc H, chị Nguyễn Thị Bé T3, Nguyễn Thị Bé T2, chị Nguyễn Thị Bé N3, cụ Trương Thị C không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trang Thái Châu